



Định hướng chính sách nông nghiệp và môi trường Việt Nam trong kỷ nguyên mới

TS. TRẦN CÔNG THẮNG

Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong suốt 80 năm qua, ngành Nông nghiệp và Môi trường luôn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế, ổn định chính trị, xã hội của đất nước. Đặc biệt từ khi đổi mới, sản xuất nông nghiệp của Việt Nam đã tăng trưởng nhanh và liên tục, với tốc độ trung bình 3,56% mỗi năm. Nền nông nghiệp Việt Nam đã chuyển từ tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa đa dạng và trở thành quốc gia xuất khẩu nông sản hàng đầu trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu nông sản tăng nhanh qua các năm, với tốc độ trung bình khoảng 10%/năm, tạo nguồn thu ngoại tệ quan trọng. Trong mỗi giai đoạn, nông nghiệp luôn thể hiện sứ mệnh, vai trò vô cùng quan trọng và cùng đất nước không ngừng phát triển. Nông nghiệp góp phần quan trọng đảm bảo an ninh lương thực quốc gia trong mọi tình huống và góp phần đảm bảo an ninh lương thực thế giới. Ngành Nông nghiệp không ngừng phát triển và góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên thị trường quốc tế. Bên cạnh đó, công tác quản lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) cũng đã đạt được những thành tựu quan trọng, đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững của đất nước.

Có được những thành tựu trên là do nhiều yếu tố nhưng quan trọng và cốt lõi nhất chính là yếu tố về thể chế, chính sách, đường lối, tư duy của Đảng và Nhà nước. Chính sách nổi bật ghi dấu ấn đối với sự phát triển của ngành Nông nghiệp và Môi trường đầu tiên phải kể đến Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 5/4/1988 của Bộ Chính trị đánh dấu bước ngoặt quan trọng khi giao khoán đất cho hộ gia đình, trao cho người nông dân quyền tự chủ trong sản xuất và kinh doanh trên ruộng đất được giao trong thời gian dài. Luật Đất đai năm 1993 đã công nhận quyền sử dụng đất như một loại tài sản, cho phép chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp, cho thuê. Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn năm 2008 đặt ra chính sách phát triển toàn diện, từ hạ tầng nông thôn đến đào tạo nhân lực. Từ Nghị quyết của Đảng, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) bắt đầu năm 2009 đã góp phần làm thay đổi căn bản bộ mặt hơn 70% số xã trên cả nước. Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp theo Quyết định số 899/QĐ-TTg ngày 10/6/2013 đặt mục tiêu nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững thông qua chuyển đổi

cơ cấu sản phẩm, ngành hàng và vùng sản xuất, gắn với đổi mới tổ chức sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời chú trọng BVMT, thích ứng BĐKH, tăng cường liên kết chuỗi giá trị, nhằm nâng cao thu nhập cho nông dân và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam. Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/1/2022 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tiếp tục khẳng định vai trò của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nguồn lực của đất nước tiếp tục ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh theo Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 1/10/2021 định hướng cơ cấu lại kinh tế theo hướng hài hòa giữa tăng trưởng và BVMT, dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, sử dụng tài nguyên hiệu quả, giảm phát thải, nâng cao năng lực cạnh tranh và chống chịu, đảm bảo tính bao trùm và công bằng xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của Việt Nam và thế giới. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 3/6/2013 đã đề ra những quyết sách lớn trong ứng phó với BĐKH, phòng, chống thiên tai, quản lý tài nguyên và BVMT ở nước ta.

Việt Nam đang bước vào kỷ nguyên mới với định hướng phát triển nhanh và bền vững, gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và BVMT. Kỷ nguyên này đặc trưng bởi quá trình chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, hội nhập quốc tế sâu rộng và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Đồng thời, Việt Nam chú trọng xây dựng nền kinh tế xanh, tuần hoàn, thích ứng BĐKH, hướng tới mục tiêu trở thành nước phát triển có thu nhập cao vào giữa thế kỷ XXI. Bối cảnh mới với các cơ hội và thách thức đan xen đòi hỏi ngành Nông nghiệp và Môi trường cần có những định hướng chính sách phù hợp góp phần mục tiêu tăng trưởng hai con số của cả nền kinh tế, nông nghiệp thật sự là lợi thế quốc gia, bảo đảm vững chắc an ninh lương thực và



Bối cảnh mới với các cơ hội và thách thức đòi hỏi ngành Nông nghiệp và Môi trường có những định hướng chính sách phù hợp góp phần mục tiêu tăng trưởng hai con số của cả nền kinh tế

đinh dưỡng, nâng cao thu nhập và đời sống cho người dân, đồng thời gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ gìn giữ văn hóa, BVMT, bảo tồn đa dạng sinh học và chủ động thích ứng với BĐKH. Đây không chỉ là yêu cầu trước mắt mà còn là nền tảng cho sự phát triển bền vững của ngành Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam trong tương lai.

2. BỐI CẢNH

2.1. Bối cảnh thế giới

Trong bối cảnh quốc tế hiện nay, cạnh tranh địa chính trị và địa kinh tế, căng thẳng thương mại giữa một số nền kinh tế lớn tiếp tục gia tăng. Các biến động chính trị, xung đột cục bộ, tranh chấp biên giới lãnh thổ ngày càng phức tạp và khó lường tiếp tục gia tăng, tiếp tục tác động tiêu cực đến an ninh, phát triển kinh tế - xã hội. Các quốc gia, nhất là các nước lớn, điều chỉnh lại chiến lược phát triển, giảm bớt sự phụ thuộc vào bên ngoài. Cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, tranh giành thị trường, các nguồn tài nguyên, công nghệ, nhân lực chất lượng cao giữa các nước ngày càng quyết liệt. Toàn cầu hóa và liên kết kinh tế vẫn tiến triển, dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn; khu vực hóa và chủ nghĩa bảo hộ gia tăng đi đôi với xu hướng điều chỉnh chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu.

Bên cạnh đó, các vấn đề an ninh phi truyền thống cũng nổi lên ngày càng rõ nét như đại dịch Covid-19, suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường, mất đa dạng sinh học..., gây áp lực rất lớn đối với quá trình phát triển bền vững. Mặc dù vậy, phát triển bền vững vẫn được xác định là xu hướng lớn của thế giới. Các “luật chơi” mới trong thương mại quốc tế đang hình

thành xoay quanh các tiêu chí môi trường - xã hội: phát thải ròng bằng “0”, kinh tế tuần hoàn (KTTH), trách nhiệm chuỗi cung ứng, phát triển xanh... trở thành tiêu chuẩn bắt buộc.

Sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của khoa học công nghệ và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với việc ứng dụng nền tảng số đem lại nhiều cơ hội cũng như thách thức cho ngành Nông nghiệp. Lực lượng sản xuất mới, nhất là công nghệ cao và trí tuệ nhân tạo phát triển đột phá chưa từng có. Xu thế tự chủ chiến lược về kinh tế, đẩy mạnh chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, chuyển đổi năng lượng ngày càng được các nước quan tâm, thúc đẩy. Quy định của thị trường cả xuất khẩu và trong nước ngày càng chặt chẽ hơn về an toàn thực phẩm, hàng rào kỹ thuật, yêu cầu chất lượng, sản phẩm đa dạng bên cạnh các yêu cầu khác liên quan đến môi trường, xã hội. Người tiêu dùng toàn cầu ngày càng quan tâm đến các sản phẩm an toàn, hữu cơ, có nguồn gốc rõ ràng và đáp ứng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt về môi trường, xã hội.

BĐKH đang tác động nghiêm trọng đến sản xuất, đời sống và môi trường trên toàn cầu. Nhiệt độ tăng lên, mực nước biển dâng cao gây ngập lụt, nhiễm mặn nguồn nước, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp, gây rủi ro lớn đối với công nghiệp và các hệ thống kinh tế - xã hội trong tương lai. Theo báo cáo của Ủy ban liên Chính phủ về BĐKH, nhiệt độ trung bình toàn cầu và mực nước biển tăng nhanh trong vòng 100 năm qua, đặc biệt trong khoảng 25 năm gần đây. Hạn hán và nhu cầu sử dụng nước của các quốc gia láng giềng tăng lên có thể gây nguy cơ thiếu hụt tài nguyên nước cho sinh hoạt và sản xuất.



Sự xuất hiện của nhiều mô hình nông nghiệp tiên tiến, bền vững, hướng đến phát triển xanh, tiêu dùng xanh. Xu hướng thực hiện chiến lược kinh tế xanh, KTTH, kinh tế chia sẻ và kinh tế tri thức nhằm đạt được các mục tiêu phát triển bền vững. Nền nông nghiệp hiện đại của thế kỷ 21 là một nền nông nghiệp sinh thái thông minh, trách nhiệm, dựa trên ứng dụng đổi mới sáng tạo của nông nghiệp sinh thái, kết hợp với các phương thức quản trị thông minh chính xác áp dụng công nghệ số nhằm sản xuất ra nhiều sản phẩm hơn trong điều kiện tiết kiệm nguồn lực hơn.

2.2. Bối cảnh trong nước

Sau 80 năm, thế và lực, sức mạnh tổng hợp quốc gia, uy tín quốc tế, niềm tin của nhân dân ngày càng được nâng cao. Cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, hệ thống chính trị hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, phát triển kinh tế tư nhân, tăng cường hợp tác quốc tế là những đòn bẩy đưa đất nước bước vào kỷ nguyên thịnh vượng.

Bên cạnh thành tựu trong công cuộc đổi mới ngành Nông nghiệp thì dư địa để phát triển đã chạm ngưỡng thậm chí sẽ thu hẹp dần trước xu hướng già hóa dân số và cạnh tranh về sử dụng tài nguyên, nếu không có cách tiếp cận khác, tư duy khác, mô hình khác thì sẽ tụt hậu không chỉ cho nông nghiệp mà sâu xa hơn là cho đời sống vật chất và tinh thần của hàng chục triệu hộ nông dân. Trong giai đoạn 2026-2039, Việt Nam vẫn trong thời kỳ cơ cấu dân số "vàng" nhưng tỉ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên đã tăng và đạt trên 10%. Cục Thống kê dự báo người cao tuổi (75 tuổi trở lên) sẽ tăng gấp đôi, đạt 5 triệu người vào năm 2035. Trong ngắn hạn, già hóa dân số ảnh hưởng đến lực lượng lao động, trầm trọng hóa việc thiếu hụt lao động trẻ trong nông nghiệp. Trong dài hạn, già hóa dân số tạo ra các tác động đa chiều, nhiều lĩnh vực từ kinh tế đến an sinh xã hội và cả văn hóa. Tuy nhiên, già hóa dân số cũng tạo ra các cơ hội phát triển ngành dịch vụ chăm sóc sức khỏe và những sản phẩm phục vụ cho người cao tuổi.

BĐKH, thiên tai, dịch bệnh ngày càng gay gắt: Nhiệt độ tăng, mưa lũ bất thường, hạn hán kéo dài, xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long hay sạt lở đất ở miền núi làm suy giảm năng suất cây trồng, thu hẹp diện tích canh tác và gia tăng chi phí sản xuất. Dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi bùng phát mạnh hơn do thời tiết cực đoan, gây thiệt hại lớn về sản lượng, chất lượng nông sản và đe dọa an toàn thực phẩm. Ngoài ra, rủi ro từ thiên tai và dịch bệnh làm tăng chi phí bảo hiểm, đầu tư phòng ngừa và giảm khả năng cạnh tranh của nông sản Việt Nam trên thị trường quốc tế. Trong dài hạn, nếu không có giải pháp thích ứng và chuyển đổi mô hình sản xuất bền vững, ngành Nông nghiệp

sẽ đối mặt với nguy cơ suy giảm nghiêm trọng về năng suất và hiệu quả kinh tế.

Ô nhiễm môi trường đang ở mức tới hạn, nếu không có giải pháp mạnh mẽ sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng tới phát triển kinh tế - xã hội. Ngược lại, chuyển đổi xanh đang mở ra cơ hội tăng trưởng nhanh, thậm chí đạt hai con số mà không gây suy thoái môi trường. Để hiện thực hóa mục tiêu đến năm 2030 trở thành nước có thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, Việt Nam đang đối mặt với áp lực kép: duy trì tăng trưởng nhanh đồng thời bảo đảm phát triển bền vững. Với kỳ vọng đạt mức tăng trưởng 8% vào năm 2025 và tăng trưởng hai con số trong các năm tiếp theo, các thách thức về môi trường và BĐKH sẽ ngày càng gia tăng. Nếu không có các chủ trương, giải pháp mạnh mẽ, hành động quyết liệt, tốc độ ô nhiễm sẽ vượt quá năng lực kiểm soát, công tác ứng phó với BĐKH và thiên tai ngày càng khó khăn hơn, cản trở đến phát triển kinh tế - xã hội và làm chậm tiến trình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của đất nước.

Bối cảnh thế giới và trong nước đang trải qua những thay đổi mang tính thời đại, đòi hỏi tư duy phát triển mới, lấy kinh tế xanh, KTTH và tăng trưởng xanh làm trụ cột xuyên suốt trong hoạch định và triển khai chính sách. Đây cũng là bước ngoặt mới, vận hội mới mang tính lịch sử đối với ngành Nông nghiệp trong sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong kỷ nguyên phát triển mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

3. ĐỊNH HƯỚNG NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Ngành Nông nghiệp và Môi trường đặt mục tiêu đến năm 2030 xây dựng nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa đồng thời phát triển nông nghiệp dựa trên lợi thế địa phương, theo hướng hiện đại có năng suất, chất lượng, hiệu quả, bền vững và sức cạnh tranh cao thuộc nhóm dẫn đầu trong khu vực và trên thế giới, đảm bảo vững chắc an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng. Nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống, vai trò và vị thế của người tham gia sản xuất nông nghiệp; tạo việc làm phi nông nghiệp để phát triển sinh kế đa dạng, giảm nghèo bền vững cho người dân nông thôn, đảm bảo cơ hội phát triển công bằng giữa các vùng, miền. Phát triển nông thôn toàn diện, hiện đại gắn với quá trình đô thị hóa, có cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội đồng bộ và tiệm cận với khu vực đô thị; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy bình đẳng giới và giảm nghèo bền vững; xây dựng nông thôn xanh, sạch, đẹp, an ninh, trật tự được đảm bảo. Phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái,



nông thôn hiện đại và nông dân văn minh. Kiểm soát cơ bản mức độ gia tăng ô nhiễm môi trường, suy giảm đa dạng sinh học; từng bước xử lý dứt điểm các vấn đề môi trường nghiêm trọng như ô nhiễm không khí tại các đô thị lớn, ô nhiễm và suy giảm chất lượng nguồn nước tại các thủy vực. Bảo đảm chất lượng môi trường sống, duy trì cân bằng hệ sinh thái, từng bước xây dựng nền kinh tế xanh, thân thiện với môi trường. Chủ động thích ứng với BĐKH, tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai, giảm phát thải khí nhà kính; từng bước nâng cao khả năng chống chịu của hệ thống tự nhiên và hệ thống kinh tế - xã hội, thúc đẩy chuyển đổi sang nền kinh tế các-bon thấp. Đẩy mạnh chuyển biến căn bản trong khai thác, quản lý, sử dụng tài nguyên theo hướng tiết kiệm, hợp lý, hiệu quả và bền vững. Ngăn chặn xu thế gia tăng ô nhiễm, suy giảm đa dạng sinh học, nhằm đảm bảo môi trường sống trong lành cho người dân và hướng tới phát triển bền vững, cân bằng giữa kinh tế - môi trường - xã hội. Để đạt được mục tiêu này cần có những định hướng chính sách đột phá, tạo bước ngoặt phát triển trong giai đoạn tới.

3.1. Định hướng chính sách chung của ngành

Trong giai đoạn 2026-2030, ngành Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục tham gia sâu rộng vào quá trình hội nhập và toàn cầu hóa thương mại, thông qua việc thực thi các Hiệp định Thương mại tự do (FTA). Xu hướng hội nhập quốc tế sâu rộng trong thời gian tới đòi hỏi ngành phải chấp nhận cạnh tranh ngay cả trên sân nhà, phải tuân thủ chặt chẽ các tiêu chuẩn khắt khe về kinh tế, xã hội và môi trường do các nước đối tác đặt ra.

Đối mặt với hàng loạt khó khăn, thách thức như: giá vật tư đầu vào tăng cao; giá lương thực, thực phẩm biến động do đứt gãy chuỗi cung ứng; nguy cơ dịch bệnh trên người, cây trồng, vật nuôi; thay đổi nhu cầu và phương thức tiêu dùng, đặc biệt tại thị trường nội địa, cùng với đó là những tác động ngày càng cực đoan của BĐKH như hạn hán, xâm nhập mặn, thiên tai khó lường, cần tiếp cận phát triển nông nghiệp theo hệ thống lương thực thực phẩm toàn diện, từ đầu vào sản xuất đến đầu ra, gắn với an ninh lương thực, dinh dưỡng, kinh tế, xã hội, môi trường, văn hóa và công bằng xã hội. Nông nghiệp, nông dân và nông thôn tiếp tục giữ vai trò then chốt, chiến lược trong phát triển kinh tế, ổn định xã hội, BVMT, gìn giữ văn hóa và bảo đảm an ninh trật tự quốc gia.

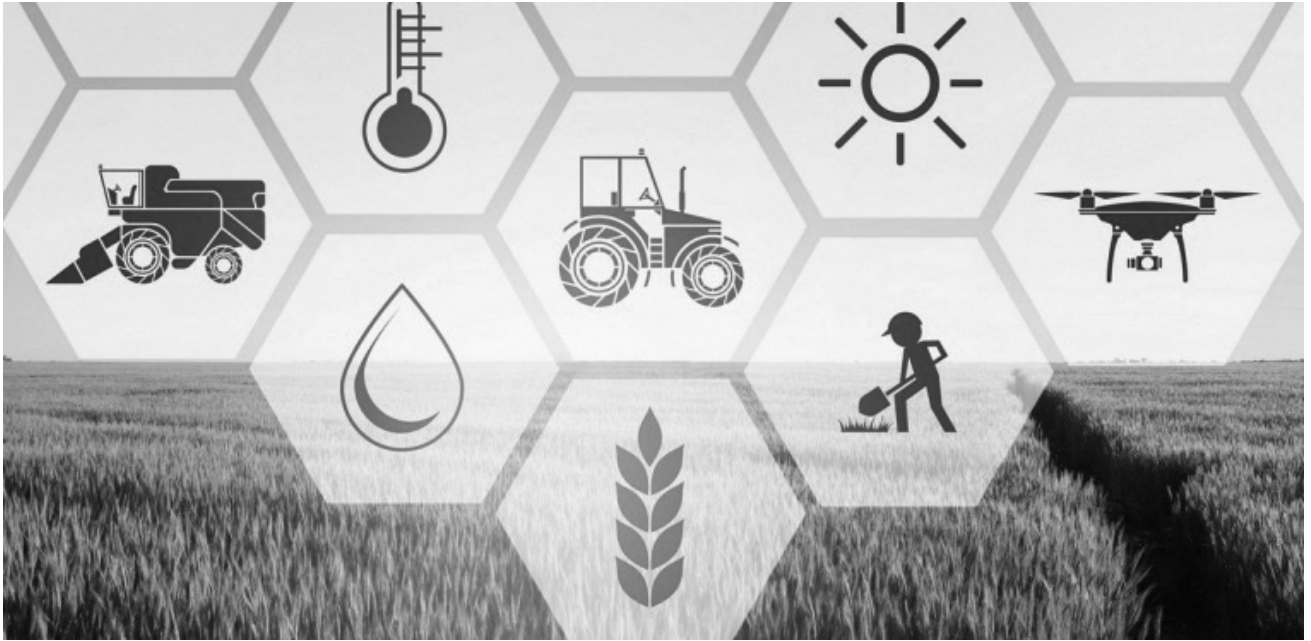
Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo tiếp tục đóng vai trò trung tâm cho tương lai nông nghiệp: cải tiến giống cây trồng bằng công nghệ gen để tăng sức chống chịu với hạn hán, sâu bệnh, mặn; sử dụng cảm biến, drone, AI, dữ liệu lớn để giám sát mùa vụ và tối ưu hóa canh tác; ứng dụng chuỗi khối và hệ thống truy xuất nguồn gốc để nâng cao tính minh bạch trong chuỗi cung ứng nông sản,

kiểm soát an toàn thực phẩm, đáp ứng yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Cùng với đó, cần tăng đầu tư cho nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ mới trong nông nghiệp, bảo vệ tài nguyên và môi trường, ưu tiên công nghệ sinh học, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo; tạo cơ chế tài chính thông thoáng cho nghiên cứu khoa học - công nghệ và cho phép thương mại hóa sản phẩm khoa học công nghệ ra thị trường theo quy định của pháp luật. Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức nghiên cứu và chuyển giao khoa học - công nghệ công lập, kết hợp đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, thực hiện khoán, đặt hàng sản phẩm khoa học - công nghệ, tạo đột phá về giống cây trồng, vật nuôi. Đổi mới công tác khuyến nông, khuyến công theo hướng kết hợp giữa nhà nước với doanh nghiệp; theo chuỗi ngành hàng, chuyển đổi số. Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo nông thôn; hỗ trợ khởi nghiệp nông nghiệp công nghệ cao; kết nối doanh nghiệp - nhà khoa học - nông dân. Thúc đẩy liên kết, hợp tác giữa các viện, trường, doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Khuyến khích doanh nghiệp và người dân ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong sản xuất kinh doanh và kết nối cung - cầu.

Tạo môi trường thuận lợi để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận bình đẳng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; mở rộng sản xuất, kinh doanh, đa dạng hóa thị trường, tái cơ cấu mặt hàng, xây dựng và phát triển thương hiệu, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Tạo môi trường thuận lợi để kinh tế hợp tác, kinh tế tập thể, hộ nông nghiệp tiếp cận đất đai, vốn, công nghệ, thị trường. Phát triển các làng nghề gắn với phát huy các giá trị văn hóa và BVMT.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số cần tiếp tục ưu tiên và coi là động lực quan trọng cho tăng trưởng giai đoạn tới. Tăng cường rà soát, sửa đổi chính sách đất đai, đầu tư, thương mại, bảo hiểm, tín dụng, đảm bảo đúng pháp luật và hài hòa lợi ích lâu dài giữa doanh nghiệp, người nông dân, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành Nông nghiệp.

Trong thương mại nông sản quốc tế, các tiêu chuẩn "xanh" ngày càng siết chặt, các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, sản xuất bền vững, không phá rừng, không phát thải cao sẽ trở thành rào cản kỹ thuật bắt buộc đối với xuất khẩu vào các thị trường như EU, Hoa Kỳ, Nhật Bản. Xu hướng tất yếu là chuyển đổi sang nông nghiệp sinh thái và KTTH, mở rộng các mô hình nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp các-bon thấp, xây dựng thương hiệu nông sản gắn với chỉ dẫn địa lý.



Công nghệ sinh học, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, cơ chế tài chính thông thoáng tiếp tục đóng vai trò trung tâm cho tương lai của nông nghiệp gắn với BVMT

Cùng với đó, nhu cầu khai thác, sử dụng tài nguyên ngày càng tăng và yêu cầu kiểm soát ô nhiễm môi trường, BĐKH ngày càng rõ rệt đang đặt ra thách thức lớn cho công tác quản lý tài nguyên và môi trường. Mục tiêu đạt phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 đã trở thành xu thế toàn cầu và “luật chơi” mới trong thương mại, đầu tư quốc tế. Các nguy cơ về ô nhiễm xuyên biên giới, ô nhiễm dòng chảy, nguy cơ chuyển giao công nghệ lạc hậu vào Việt Nam cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hội nhập sâu về quản lý môi trường, tiệm cận với các nước phát triển.

BĐKH, thiên tai, dịch bệnh và các vấn đề an ninh phi truyền thống khác đang tác động sâu rộng, đe dọa ổn định và phát triển bền vững của đất nước. Việt Nam cần nắm bắt cơ hội từ thích ứng với BĐKH để chuyển dịch mô hình tăng trưởng, nâng cao sức chống chịu và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

Nhiệt độ toàn cầu tiếp tục tăng và có nguy cơ vượt ngưỡng 1,5°C, kéo theo thiên tai cực đoan hơn, gây áp lực lớn lên ngành Nông nghiệp. Các mô hình canh tác truyền thống sẽ khó thích ứng nếu không có sự hỗ trợ từ công nghệ và chính sách. Một xu hướng nổi bật là chuyển đổi sang nền nông nghiệp các-bon thấp: phát triển các chương trình thu giữ các-bon trong đất, rừng, sinh khối thông qua nông nghiệp tái sinh, canh tác hữu cơ, bảo tồn đất; đồng thời mở rộng thị trường tín chỉ các-bon trong nông nghiệp.

3.2. Chính sách phát triển nông nghiệp

Chuyển đổi từ duy trì sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp; ứng dụng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, tích hợp đa giá trị, gắn với nhu

cầu thị trường. Phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn và nông nghiệp công nghệ cao; tăng đầu tư cho công nghệ bảo quản, chế biến sâu để nâng cao giá trị gia tăng và giảm tổn thất sau thu hoạch. Khuyến khích mô hình kinh tế nông nghiệp các-bon thấp, phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp tái sinh phù hợp với yêu cầu giảm phát thải và thích ứng với BĐKH.

Phát triển vùng nguyên liệu lớn, chuyên canh hàng hóa tập trung, hiện đại, bảo đảm an toàn thực phẩm dựa trên nền tảng ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, cơ giới hóa, tự động hóa, phù hợp yêu cầu thị trường trong nước và quốc tế. Xây dựng vùng nguyên liệu tập trung, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn thực phẩm; tổ chức cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi, ao nuôi bảo đảm truy xuất nguồn gốc; mã cơ sở đóng gói, nhãn mác hàng nông sản.

Phát triển mạnh công nghiệp sản xuất giống cây trồng và vật nuôi có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh, thích ứng với BĐKH; bảo tồn và phát triển giống bản địa có giá trị cao; có cơ chế phù hợp để thúc đẩy các viện, trường, doanh nghiệp nghiên cứu, chọn, tạo giống; nâng cao năng lực tự chủ trong sản xuất thức ăn chăn nuôi; đẩy mạnh nghiên cứu, làm chủ công nghệ sản xuất vắc xin, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, thiết bị, vật tư nông nghiệp.

Tổ chức lại sản xuất, phát triển mạnh kinh tế trang trại, kinh tế hợp tác, trọng tâm là hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp và cơ chế liên kết, hợp tác theo chuỗi giá trị. Phát triển đồng bộ, hiệu quả hệ thống kỹ thuật chuyên ngành thú y, bảo vệ và kiểm dịch thực vật, động vật, quản lý an toàn thực phẩm. Quản lý



chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp, nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, xử lý nghiêm vi phạm trong sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và an toàn thực phẩm.

Phát triển công tác bảo quản, chế biến nông sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng, tạo thị trường ổn định, đa dạng hóa sản phẩm. Có chính sách đủ mạnh để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào trong lĩnh vực nông nghiệp, môi trường và đầu tư vào khu vực nông thôn. Khuyến khích đầu tư vào các dự án thuộc danh mục phân loại xanh, vừa hiệu quả kinh tế nhưng BVMT.

Nhân rộng các chuỗi cung ứng ngành hàng, chuỗi giá trị nông nghiệp an toàn gắn với truy xuất nguồn gốc, chứng nhận, thương hiệu. Phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản được cơ giới hóa đồng bộ tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. Xây dựng các trung tâm liên kết sản xuất tiêu thụ tại các vùng sản xuất trọng điểm, trung tâm logistics tại các thành phố lớn và cửa khẩu, hiện đại hóa hệ thống chợ bán buôn.

Chuyển đổi số trong toàn bộ chuỗi sản xuất và tiêu thụ, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối trong quản lý, giám sát và điều hành sản xuất. Gắn kết chặt chẽ nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, sản xuất với bảo quản, chế biến và tiêu thụ nông sản.

Đẩy mạnh phát triển thị trường, tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho tiêu thụ trong nước và xuất khẩu nông sản. Phát triển các chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước, gắn với phát triển hạ tầng logistics đồng bộ. Xây dựng và phát triển thương hiệu nông sản chủ lực quốc gia gắn với các chuỗi cung ứng toàn cầu.

Tăng đầu tư đồng bộ, hiện đại hóa cơ sở hạ tầng cho sản xuất, chế biến, thương mại, bao gồm cả hạ tầng thủy lợi, hạ tầng số, hạ tầng thông tin, hạ tầng cho đánh bắt, nuôi trồng đảm bảo kết nối tốt giữa các vùng sản xuất với thị trường trong và ngoài nước, đảm bảo hỗ trợ tốt cho sản xuất, thương mại.

Tiếp tục đổi mới thể chế nhằm phát huy nguồn lực cho tăng trưởng ngành, nhất là các thể chế cản trở sự phát huy hiệu quả các nguồn lực về đất đai, khoa học công nghệ chuyển đổi số, nhân lực. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính tạo điều kiện cho các thành phần phát huy nội lực, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đổi mới sáng tạo, hình thành phong trào khởi nghiệp trong nông nghiệp.

3.3. Chính sách cho người nông dân

Nông dân là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng NTM. Gắn xây dựng giai cấp nông dân với phát triển nông nghiệp và quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa nông thôn. Nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn.

Xây dựng nông dân Việt Nam phát triển toàn diện, văn minh, yêu nước, đoàn kết, tự chủ, tự lực, tự cường, đổi mới sáng tạo, có ý chí, khát vọng xây dựng quê hương, đất nước phồn vinh, hạnh phúc; có trình độ, học vấn và năng lực tổ chức sản xuất tiên tiến, nếp sống văn minh, trách nhiệm xã hội, tôn trọng pháp luật, BVMT; được thụ hưởng những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, từng bước tiếp cận các dịch vụ của đô thị.

Tạo môi trường thuận lợi, hỗ trợ nông dân nâng cao năng lực quản trị, phát triển sản xuất kinh doanh; tạo sinh kế, việc làm ổn định, tiếp cận các nguồn lực, tiến bộ khoa học - công nghệ, chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất kinh doanh theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại nông nghiệp, xây dựng NTM.

Tăng cường đào tạo, hỗ trợ nông dân nâng cao kiến thức, kỹ năng sản xuất nông nghiệp, hỗ trợ nông dân chuyển đổi sản xuất. Đổi mới toàn diện hình thức tổ chức và nội dung đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng đa ngành, đa kỹ năng; tập trung đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhất là thanh niên, phụ nữ, đồng bào dân tộc thiểu số, đáp ứng nhu cầu thị trường. Mở rộng quy mô, ngành nghề đào tạo phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, khoa học - công nghệ, quản trị kinh doanh đáp ứng nhu cầu lao động ở nông thôn, chuyển đổi nghề nghiệp và xuất khẩu lao động. Có chiến lược nâng cao năng suất lao động, khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức tư nhân tham gia đào tạo nghề, phát triển thị trường lao động ở nông thôn.

Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục, đào tạo, góp phần nâng cao nhận thức, năng lực, trình độ, học vấn cho nông dân và cư dân nông thôn để đổi mới, sáng tạo, ứng dụng khoa học - công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến, tiêu thụ nông sản, làm giàu từ nông nghiệp, nông thôn.

3.4. Chính sách phát triển nông thôn

Xây dựng NTM theo hướng hiện đại, văn minh, hài hòa giữa bảo tồn bản sắc văn hóa với đổi mới sáng tạo; chú trọng xây dựng NTM ở khu vực khó khăn thông qua tiếp cận tới cấp thôn, bản; ưu tiên nguồn lực đầu tư đối với các xã có tỉ lệ hộ nghèo cao; tiếp tục hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số thiếu đất ở, đất sản xuất, tạo sinh kế, việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống.

Đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa kết cấu hạ tầng giao thông, chuyển đổi số, văn hóa, giáo dục, y tế; cung cấp nước sạch theo quy chuẩn; nâng cấp, bảo đảm an toàn các công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai, đê sông, đê biển, kè chống sạt lở bờ sông, bờ biển. Khắc phục tình trạng ô nhiễm



môi trường, nhất là rác thải, nước thải. Xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, văn minh, giàu bản sắc văn hóa truyền thống.

Cải thiện điều kiện sống, nhà ở, đổi mới tư duy, nếp sống, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, miền. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững kinh tế - xã hội khu vực biên giới, biển, đảo, vùng khó khăn...

Phát triển mạnh công nghiệp ở nông thôn, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp. Đầu tư phát triển các cụm công nghiệp, làng nghề phù hợp với quy hoạch và điều kiện cụ thể tại địa phương; tạo môi trường kinh doanh thuận lợi thu hút các thành phần kinh tế đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, hình thành các doanh nghiệp có quy mô lớn sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp; tạo nhiều việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho lao động nông thôn. Bảo tồn, phát triển các ngành nghề, làng nghề, dịch vụ nông thôn, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái.

Phát huy tinh thần đoàn kết, tình làng, nghĩa xóm, tương thân, tương ái; đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghiệp, thi đua sản xuất kinh doanh, cùng nhau làm giàu, giảm nghèo bền vững và xây dựng NTM. Xây dựng gia đình hạnh phúc, cộng đồng dân cư vững mạnh, tham gia quản lý xã hội, bảo vệ tài nguyên, môi trường, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo, y tế, văn hóa, thể thao cho nông dân và cư dân nông thôn. Thực hiện tốt chính sách dân số và phát triển; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận cơ hội phát triển, dịch vụ cơ bản nông thôn. Thực hiện tốt chính sách bình đẳng giới, phòng, chống xâm hại phụ nữ và trẻ em, nâng cao năng lực, vị thế của phụ nữ ở nông thôn.

3.5. Chính sách quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên

Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện quy hoạch sử dụng đất phù hợp với phát triển bền vững, đảm bảo an ninh lương thực và sinh thái vùng miền. Quy hoạch sử dụng đất nông thôn gắn kết với phát triển đô thị, khai thác và phát huy nguồn lực đất đai trong xây dựng, phát triển bền vững kinh tế nông thôn. Bảo vệ quỹ đất nông nghiệp cả về số lượng, chất lượng; chống sạt lở bờ sông, bờ biển, xâm nhập mặn, thoái hóa đất. Tăng cường giám sát, thanh tra việc sử dụng tài nguyên đất, nước, khoáng sản; xử lý nghiêm các hành vi khai thác, sử dụng sai mục đích, lãng phí, hủy hoại tài nguyên. Ưu tiên áp dụng các giải pháp dựa vào tự nhiên để quản lý, bảo tồn và sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên

hiên. Phát triển lành mạnh thị trường bất động sản, thị trường quyền sử dụng đất, khoáng sản, thị trường năng lượng. Chú trọng hợp tác quốc tế trong việc quản lý và sử dụng nguồn nước của các lưu vực sông xuyên biên giới, bảo đảm lợi ích quốc gia.

Thúc đẩy số hóa dữ liệu tài nguyên, triển khai hệ thống quản lý, giám sát tài nguyên thông minh, minh bạch, hiệu quả trên nền tảng công nghệ số. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số thống nhất về đất đai, nước, khoáng sản và môi trường; kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm tăng cường hiệu quả quản lý tài nguyên.

Hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế rừng, chi trả dịch vụ môi trường rừng, bảo đảm nguồn lực cho công tác bảo vệ và phát triển rừng. Xử lý triệt để những tổn động về đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường, chấm dứt tình trạng các công ty nông, lâm nghiệp được giao đất, cho thuê đất nhưng không đầu tư, tổ chức sản xuất mà khoán trắng cho hộ gia đình, cá nhân.

Quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, chuyển mạnh sang mô hình tăng trưởng xanh, phát triển bền vững các hệ sinh thái, đặc biệt là các hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái đất ngập nước, hệ sinh thái biển, các khu bảo tồn thiên nhiên; bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, quý hiếm. Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phòng, chống phá rừng, suy giảm chất lượng rừng; nâng cao chất lượng và trữ lượng rừng; kiên quyết xử lý nghiêm các vi phạm. Bảo vệ, phát triển bền vững nguồn lợi thủy, hải sản, bảo tồn đa dạng sinh học. Thực hiện tốt quy hoạch không gian biển quốc gia, hoàn thiện và xây dựng cơ sở dữ liệu, cơ chế quản lý tổng hợp về biển, đảo. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ, điều tra tài nguyên, môi trường biển; nâng cao năng lực dự báo và giám sát môi trường biển. Thực hiện đồng bộ các giải pháp chống lãng phí, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên. Đẩy mạnh công tác điều tra cơ bản, nâng cao chất lượng quy hoạch sử dụng tài nguyên quốc gia, BVMT.

3.6. Chính sách bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác BVMT; huy động sự tham gia của người dân, doanh nghiệp và tổ chức xã hội vào các chương trình phục hồi hệ sinh thái và cảnh quan môi trường nông thôn. Có chính sách khuyến khích doanh nghiệp và cộng đồng dân cư đầu tư, tham gia BVMT và phục hồi hệ sinh thái tự nhiên. Phát triển mạnh ngành công nghiệp và dịch vụ môi trường, thúc đẩy xã hội hóa công tác BVMT. Cải thiện chất lượng môi trường không khí ở các đô thị, nhất là các đô thị lớn. Tăng cường phân loại, thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải nông nghiệp, chất thải công nghiệp



ở khu vực nông thôn và làng nghề theo hướng tuần hoàn, phát thải thấp.

Tăng cường xây dựng và vận hành hạ tầng đa mục tiêu như hệ thống thủy lợi thông minh, công trình phòng chống thiên tai tích hợp sinh kế, BVMT và phục hồi hệ sinh thái. Chú trọng đầu tư phát triển các công trình BVMT, phòng, chống thiên tai và thích ứng với BĐKH. Đầu tư phát triển hệ thống quan trắc, cảnh báo sớm và cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn hiện đại, phục vụ phòng, chống thiên tai và sản xuất nông nghiệp thông minh. Thiết lập hệ thống cảnh báo, kiểm soát ô nhiễm môi trường không khí, nước, đất tại các khu vực nhạy cảm về sinh thái và sản xuất nông nghiệp trọng điểm.

Tăng cường phát triển kinh tế xanh, KTTH, thúc đẩy thị trường sản phẩm xanh, sản phẩm tái chế, từng bước hình thành văn hóa tiêu dùng bền vững ở nông thôn. Triển khai các mô hình sinh kế thích ứng với BĐKH, đặc biệt ở các vùng ven biển, đồng bằng, miền núi và khu vực dễ bị tổn thương. Triển khai các mô hình thu giữ các-bon trong đất và sinh khối thông qua nông nghiệp tái sinh, canh tác hữu cơ. Thiết lập và vận hành hiệu quả thị trường tín chỉ các-bon trong nước kết nối với thị trường khu vực và thế giới. Huy động tối đa và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, cơ chế ưu đãi quốc tế phục vụ chuyển đổi xanh, giảm phát thải khí nhà kính, hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050.

Cập nhật kịch bản BĐKH, nước biển dâng tới từng vùng, địa phương; hướng dẫn người dân và doanh nghiệp chủ động thích ứng với BĐKH. Xây dựng chính sách, lộ trình thực hiện giảm phát thải khí nhà kính, khí metal trong nông nghiệp phù hợp với cam kết quốc tế. Chủ động phòng, chống thiên tai, sử dụng đồng bộ, hiệu quả các biện pháp công trình và phi công trình; phát huy vai trò của cộng đồng dân cư.

Nhìn lại chặng đường 80 năm vừa qua cho thấy, nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và BVMT sinh thái. Trong giai đoạn tới, ngành Nông nghiệp và Môi trường xác định ba trụ cột chiến lược bao gồm: Nền nông nghiệp thông minh - các-bon thấp, tích hợp trí tuệ nhân tạo, dữ liệu mở và công nghệ sinh học; Xã hội nông thôn văn minh - bao trùm - an toàn, nơi người dân làm chủ tri thức và môi trường sống; Quản trị tài nguyên - môi trường hiện đại, kiến tạo nền kinh tế xanh và văn minh khí hậu ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường (2024), Báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT.

2. Ban Cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường (2024), Báo cáo Kết quả về lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng của Ban Cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Ban Cán sự Đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường (2024), Báo cáo Đánh giá kết quả thực hiện chủ trương, định hướng, chiến lược, nhiệm vụ về tài nguyên và môi trường trong Văn kiện Đại hội XIII của Đảng.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2021). Nghiên cứu định hướng chuyển đổi nền nông nghiệp Việt Nam theo hướng hiện đại, bền vững gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022). Báo cáo Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

6. Bộ Tài nguyên và Môi trường (2022). Báo cáo tổng kiểm kê đất đai năm 2020, Hà Nội.

7. Đảng ủy Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2022). Báo cáo Tổng kết công tác năm 2022, nhiệm vụ và giải pháp năm 2023.

8. Đảng ủy Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường (2025). Báo cáo tham luận: Giải pháp thúc đẩy tăng trưởng ngành Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026-2030.

9. Đảng ủy Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường (2025). Báo cáo Giải pháp chiến lược phát triển nông nghiệp xanh, hiện đại cho mục tiêu tăng trưởng "2 con số".

10. Đảng ủy Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường (2025). Báo cáo Tổng hợp các giải pháp chiến lược thúc đẩy tăng trưởng kinh tế "2 con số" trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam của lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

11. Lê Minh Hoan. (2025). Niềm tin đất nước hùng cường.

12. Ngân hàng Thế giới (2016). Báo cáo Phát triển Việt Nam 2016.

13. Trần Công Thắng và Trương Thị Thu Trang (2025). Ngành Nông nghiệp Việt Nam: 80 năm xây dựng và phát triển cùng đất nước. Tạp chí Môi trường số 8/2025.

14. Viện Chiến lược, Chính sách nông nghiệp và môi trường (2025). Bài tham luận Triển vọng phát triển ngành Nông nghiệp và nông thôn ở nước ta đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 và những vấn đề đặt ra, gắn với tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

15. Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (2006). Nghiên cứu thực tiễn và lý luận 20 năm đổi mới nông nghiệp và nông thôn.

16. Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (2014). Công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn Việt Nam kể từ khi đổi mới.